| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN THỦ ĐỨC**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 296/2018/QĐHNGĐ-ST | *Thủ Đức, ngày 10 tháng 04 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 101/2018/TLST/HNST ngày 26 tháng 1 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu: ông Bùi Tấn N, sinh năm 1993

Địa chỉ: đường MS, khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người yêu cầu: bà Lâm Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Căn cứ các Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02/4/2018.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02/4/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Tấn N và bà Lâm Thị T.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: ông Bùi Tấn N và bà Lâm Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: ông Bùi Tấn N và bà Lâm Thị T tự khai không có.

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Lâm Thị T và ông Bùi Tấn N chịu, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí, bà Lâm Thị T và ông Bùi Tấn N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0038204 ngày 26/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, bà Lâm Thị T và ông Bùi Tấn N đã nộp đủ.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Toà án ND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q. Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Tôn Trung Tuấn**